

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HC-ST

Ngày 06-7-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng
mặt bằng khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 6 và 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 10/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 07 năm 2019 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 366/2020/QĐST-HC ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lương Văn N; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Đức C; ĐKKHKT: Đại lộ T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vũ Thị Mai P là luật sư của Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường 20-8, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trịnh Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện V, vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Bá T1- Phó Trưởng Phòng TN-MT huyện V và bà Trần Thị C- Phó Giám đốc Trung tâm PTQĐ huyện V; có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị D; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn N; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Người khởi kiện trình bày:*

Năm 2006, gia đình ông mua 01 lô đất từ ông Hoàng Hữu Đ, dài 5m chiều ngang mặt đường QL 10 (nguồn gốc thửa đất này có từ năm 1993, ông Phạm Văn Q mua từ UBND xã G với giá là 8.210.000 đồng và bán lại cho ông Đ), đã được UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất đứng tên ông năm 2007. Sau đó, ông mua của bà Nguyễn Thị T 1 lô đất 8,8 m chiều ngang QL 10 (nguồn gốc thửa đất này có từ năm 1993, ông Lương Văn T mua từ UBND xã G với giá là 8.210.000 đồng, bán lại cho bà T (hiện chưa làm xong thủ tục sang tên ông).

Năm 2000 thu hồi đất mở rộng QL 10 (lần 1), ông có nghe ông T và ông Q nói là không được đền bù về đất mà chỉ được hỗ trợ là 10.000đồng/m² nhưng họ không khiếu nại vì không hiểu biết pháp luật.

Ngày 02/11/2016, gia đình ông nhận được Thông báo số 51/TB-TN&MT ngày 14/10/2016 của UBND huyện V và Dự thảo phương án BTHT khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng QL10, theo đó đất ở của các hộ gia đình là đất công, không bồi thường về đất và tài sản trên đất, chỉ hỗ trợ 30% phần giá trị tài sản trên đất.

Ngày 29/11/2016, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc phê duyệt PABTHT tại xã G; quyết định này không bồi thường về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 16/12/2016, UBND ra Thông báo số 1133/TB-UBND yêu cầu các hộ tháo dỡ, di chuyển tài sản để nhà thầu thi công.

Sau khi các hộ dân khởi kiện ra tòa, UBND huyện V đã ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường bổ sung, nhưng chỉ hỗ trợ một phần diện tích tiền đất cho gia đình ông là 10.320.000 đồng/ m², còn lại 62,1 m² đã bị thu hồi không được hỗ trợ, bồi thường.

** Người khởi kiện đề nghị Tòa án:*

1. Hủy bỏ Quyết định 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện V, Quyết định thu hồi đất số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi đất 62,1 m² của gia đình ông N.

2. Buộc UBND huyện V bồi thường phần đất còn lại với giá 10.320.000 đồng/m² theo Công văn số 528/UBND-ĐC2 ngày 07/02/2017 của UBND thành phố Hải Phòng.

3. Buộc UBND huyện V trình UBND thành phố bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất bằng 10% mức bồi thường khi thu hồi đất ở do hạn chế khả năng sử dụng đất và 5% giá trị vật kiến trúc đối với tài sản thuộc hành lang giao thông.

** Đại diện người bị kiện thống nhất với lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc thửa đất, diện tích đất thu hồi năm 2016, 2017, đồng thời trình bày thêm:*

Ông Lương Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V, đây là các quyết định liên quan đến thửa đất số 212 tờ bản đồ số 6 xã G. Thửa đất này có nguồn gốc Hợp tác xã nông nghiệp Giang Bắc thanh lý trạm bơm cho ông Phạm Văn Q (hiện nay không có hồ sơ giao đất, và không còn biên lai thanh lý).

Đến năm 1994-1998, UBND xã G giao đất cho các hộ gia đình phía Tây Quốc lộ 10, trong đó có hộ gia đình ông Phạm Văn Q, diện tích 200,0m², chiều ngang thửa đất là 6,0m. Tại Tờ trình ngày 12/11/1998 của UBND xã G về việc thu tiền chênh lệch giao cấp đất ở có ghi giao đất cho ông Q 6m ngang tại khu Trung Đồng tương ứng 8.210.000 đồng, nhưng UBND G không thu tiền do ông Q đã mua thanh lý trạm bơm cũ trước đó.

- Năm 1998, huyện có Quyết định số 125/QĐ.UB ngày 21/3/1998 v/v hợp thực hóa quyền sử dụng đất đối với thửa đất 212, tờ số 6, diện tích 266m² cho ông Phạm Văn Q. Ngày 12/4/1996, ông Phạm Văn Q được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 212b, tờ bản đồ số 6, diện tích 266,0m², vị trí thửa đất cách chân Quốc lộ 10 là 21,0m.

- Đến tháng 11/2002, ông Phạm Văn Q chuyển nhượng một phần thửa đất 212 có chiều ngang 5,0 m cho ông Hoàng Hữu Đ (được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2002 đứng tên ông Đ), thửa đất số 212c, tờ bản đồ số 6, diện tích 95,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m. Sau đó, ông Đ chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho ông Lương Văn N (UBND huyện cấp GCN QSD đất ngày 11/9/2007 đứng tên ông N đối với thửa đất trên).

Theo các quyết định thu hồi đất do UBND huyện V đã ban hành, tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 43,0m², trong đó:

- Diện tích từ mép nhựa QL10 năm 2015 đến chỉ giới giao đất có thu tiền năm 1995 là 21,0m² (*chỉ giới giao đất cách mép nhựa Quốc lộ 10 năm 2015 là 4,2m*) là diện tích đất đã GPMB năm 2000 và đất hành lang giao thông, nằm ngoài diện tích đất xã giao có thu tiền sử dụng đất; không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Diện tích từ chỉ giới giao đất năm 1995 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 22,0m² nằm trong phạm vi 20m kể từ chân Quốc lộ 10 (trước năm 2000) trở ra do xã G giao đất trái thẩm quyền. Việc thu hồi đất năm 2015 chưa thu hồi vào diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn N ngày 11/9/2007. Tuy nhiên để đẩy nhanh tiến độ GPMB thực hiện Dự án, UBND huyện đã tính toán, hỗ trợ theo nội dung Công văn số 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố, đồng thời đã tính toán hỗ trợ đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho gia đình.

UBND huyện V ban hành Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016: Thu hồi 27,4m² đất hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 do nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Xét thấy, một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền nằm trong hành lang giao thông có thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi xem xét lại, UBND huyện đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 12,1m² và Quyết định số 5751/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 9,9 m² đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định. Việc mở đường đã tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội địa phương, là tăng khả năng sử dụng đất (hiện giá đất ở tại khu vực đã tăng gấp đôi so với năm 2015); các hộ gia đình bị thu hồi phần đất họ đang sử dụng nằm trong chỉ giới hành lang giao thông và đang sử dụng diện tích lớn hơn hạn mức giao đất tại địa phương nên không ảnh hưởng đến sinh hoạt.

Đối với việc ông N yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc thu hồi đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 10 xã G; thửa đất này vẫn đứng tên bà Nguyễn Thị T và Tòa án cũng không thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện này.

Vì vậy đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông N.

** Tại phiên tòa, phía người khởi kiện có quan điểm:*

Thay đổi yêu cầu khởi kiện; đề nghị xem xét tính hợp pháp của việc thu hồi đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 10 xã G mà ông mua lại của bà Nguyễn Thị T.

Thửa đất số 212 tờ bản đồ số 6 được UBND xã giao sát mép nhựa; theo qui định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì hộ bà Diễm phải được cấp Giấy CNQSD đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa (việc cấp Giấy CNQSD đất và thu hồi đất năm 2000 nhưng không bồi thường là trái pháp luật). Theo qui định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì phải được bồi thường toàn bộ diện tích đất đó.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều cơ bản chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

+ Đối với việc tại phiên tòa người khởi kiện mới thay đổi yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của UBND huyện V không trình UBND thành phố Hải Phòng xem xét bồi thường về thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 94 luật đất đai năm 2013 là vượt quá phạm vi khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này

+ Theo Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố tại Diễm 1.1 có thể hiện UBND thành phố nhất trí hỗ trợ bằng 100% giá đất ở đối với 28 hộ xã G được UBND xã giao đất không đúng thẩm quyền giai đoạn 1993-1998, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

*** Xét về nguồn gốc đất của thửa đất 212:**

- HTX nông nghiệp Giang Bắc thanh lý trạm bơm cho ông Phạm Văn Q, hiện nay không có hồ sơ giao đất, không còn biên lai thanh lý.

- Theo Tờ trình về việc thu tiền chênh lệch giao cấp đất ở của UBND xã G ngày 12/11/1998 có thể hiện đất giao cho ông Q chiều ngang 6m số tiền phải nộp là 8.210.000 đồng nhưng ông Q không phải nộp do đã mua thanh lý trạm bơm cũ của Hợp tác xã nông nghiệp, đã nộp tiền thanh lý. Tuy nhiên, tài liệu không thể

hiện trạm bơm mà ông Q mua thanh lý có diện tích bao nhiêu, ranh giới tứ cận như thế nào, phần đất mà ông Q được UBND xã giao trái thẩm quyền cho ông Q là 1 phần của trạm bơm hay toàn bộ diện tích trạm bơm.

Năm 1996 ông Q đã được cấp GCNQSDĐ với diện tích 266m² (130m² đất ở và 136m² đất vườn với kích thước 14m ngang và 19 m sâu, cách mép đường 21m).

Tháng 11/2002, ông Q chuyển nhượng một phần đất chiều ngang 5m cho ông Hoàng Hữu Đ. Ngày 18/11/2002, ông Đ được cấp GCNQSDĐ cho 95m² đất mua lại từ ông Q, kích thước 19m chiều sâu và 5 m chiều ngang, cách trục quốc lộ 10 là 26m. Sau đó ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông Lương Văn N và ông N được cấp GCNQSDĐ ngày 11/9/2007 cho thửa đất 212 với diện tích 95 m², chiều ngang 5m, sâu 19m.

Như vậy, theo tờ trình về việc thu tiền chênh lệch giao cấp đất ở của UBND xã G ngày 12/11/1998, ông Q được giao 6m mặt nhưng sau đó ông Q lại sử dụng và được cấp GCNQSDĐ cho 14m mặt và không xác định được phần đất 6m mặt ông Q được giao nằm ở vị trí nào trong diện tích 14m mặt ông Q được cấp GCNQSDĐ.

Để có lợi nhất cho gia đình ông N, giả sử thửa đất ông N đang sử dụng nằm trong phần diện tích UBND xã G giao trái thẩm quyền cho ông Q đã nộp 8.210.000đ nhiều ngang 6m theo Tờ trình về việc thu tiền chênh lệch giao cấp đất ở của UBND xã G ngày 12/11/1998. Từ đó tính được:

- Chiều sâu đất: Theo biên bản của UBND xã và các hộ dân ngày 18/3/2017 (ông N cũng ký) thì đo từ mép mương lên cho dân. Biên bản xác định điểm cuối của Đảng ủy, UBND xã ngày 10/1/2017 cũng xác định mương cuối đất ngăn cách đất giao cho dân và đất canh tác. Như vậy, đất của ông N có chiều sâu: $200 \text{ m}^2 : 6\text{m} = 33,3 \text{ m}$ tính từ mép mương lên.

Theo biên bản xác định điểm cuối đất ngày 10/1/2017 thì ông N ở đoạn tính từ mương đến mép nhựa là 37,5m.

Từ đó tính được từ mép nhựa đến chỉ giới giao đất có thu tiền là $37,5 - 33,3 = 4,2 \text{ m}$. Đây là khoảng cách mà nếu thu hồi vào thì không phải hỗ trợ theo Công văn 528.

Theo biên bản kiểm kê, Dự án thu hồi vào 8,5 m từ mép nhựa. Như vậy, phần đất đã thu tiền bị thu hồi lần này là $8,5 - 4,2 = 4,3 \text{ m}$ chiều sâu, tuy nhiên UBND huyện V đã tính và hỗ trợ là 4,4m chiều sâu (không hỗ trợ 4,2m) là đã có lợi cho ông N rồi, yêu cầu đòi bồi thường thêm 21m² đất của 4,2m chiều sâu là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật TTHC đề nghị tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ông N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HCST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn không thay đổi các quyết định hành chính bị khởi kiện. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính; Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi đất số Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 về việc thu hồi diện tích 27,4m² đất hành lang giao thông của hộ gia đình ông N để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10. Ngày 17/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý vụ án số 04/2017/TLST-HC theo yêu cầu khởi kiện của ông N và 26 hộ dân khác, đến ngày 10/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định tách vụ án Hành chính số 2700/2019/QĐST-HC thành các vụ án độc lập. Như vậy, vụ án của ông N còn trong thời hiệu khởi kiện theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án hành chính số 60/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2019 là đúng thẩm quyền qui định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, UBND huyện V đã ban hành các Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 12,1m²; Quyết định số 5751/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 9,9 m² và phê duyệt phương án bồi thường bổ sung, theo đó hộ ông N được hỗ trợ đối với 22,0m² trên tổng diện tích 43,0m² đất bị thu hồi, với số tiền 227.040.000 đồng. Tuy nhiên, gia đình ông N vẫn không đồng ý mà yêu cầu phải được bồi thường thêm phần diện tích đất 21 m² còn lại. Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định thu hồi đất (Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và Quyết định số 5751/QĐ-UBND ngày 31/8/2017) và phê duyệt phương án bồi thường có liên quan đến việc thu hồi 43m² đất nói trên trong cùng vụ án.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị xem xét tính hợp pháp của các quyết định thu hồi đất tại thửa đất số 159 tờ bản đồ số 10, diện tích 194m² chiều ngang phía giáp lưu không quốc lộ 10 là 08m có GCNQSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị T. Xét trong đơn khởi kiện, ông N không có yêu cầu khởi kiện các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi thửa đất này; tại biên bản công khai chứng cứ và đối thoại (có mặt cả Luật sư và người đại diện của mình), ông N cũng chỉ khởi kiện đối với Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện V, liên quan đến thửa đất số 212. Do đó, yêu cầu này của ông N là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ông N có quyền khởi kiện bằng vụ án hành chính khác đối với việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với thửa đất số 159 tờ bản đồ số 10 xã G.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện V trình UBND thành phố Hải Phòng bồi thường 10% mức bồi thường khi thu hồi đất (tính trên giá trị đất giai đoạn 2015-2017) do hạn chế khả năng sử dụng đất và 5% giá trị kiến trúc đối với tài sản thuộc hành lang an toàn giao thông (theo Điều 94 Luật Đất đai 2013). Xét ông N không khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện V mà yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện trình UBND thành phố Hải Phòng bồi thường thiệt hại đối với đất và tài sản thuộc hành lang an toàn, là vượt quá thẩm quyền của Tòa hành chính, không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật TTHC nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị D vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông N đại diện tham gia tố tụng; căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người liên quan theo thủ tục chung.

Đối với yêu cầu của phía người khởi kiện đề nghị triệu tập bổ sung UBND thành phố Hải Phòng, Ban quản lý dự án các công trình giao thông thành phố Hải Phòng và UBND xã G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không phù hợp qui định tại khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện đối với việc thu hồi đất tại thửa 212:

[4] Theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông N là phù hợp qui định của pháp luật. Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, kiểm kê tài sản và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa

phương đều đúng theo qui định tại các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013 và người khởi kiện cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các thủ tục trên.

[5] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận: Ngày 11/9/2007 ông N được UBND huyện cấp GCN QSD đất, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 6, chiều dài 19m, chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 5m, diện tích 95,0 m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26m. Thửa đất này có nguồn gốc Hợp tác xã nông nghiệp Giang Bắc thanh lý trạm bơm cho ông Phạm Văn Q, ông Q chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Hoàng Hữu Đ và ông Đ chuyển nhượng cho ông N. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10, UBND huyện V đã thu hồi của hộ ông N tổng diện tích 43,0 m² đất tại thửa số 212 tờ bản đồ số 6, nhận số tiền 227.040.000 đồng, trong đó chỉ có 22,0m² được bồi thường. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung trên là sự thật.

[6] Ông N cho rằng, UBND huyện V đã thu hồi vào phần diện tích đất ở đã được UBND xã G giao từ năm 1993, không phải đất HLGT Việc UBND huyện V trừ HLGT là phù hợp với quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện cho rằng UBND huyện không cung cấp được biên bản cấm mốc giới nên việc ghi HLGT trong Giấy CNQSD đất là trái pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 203/HĐBT ban hành cách đây đã gần 40 năm; được chính quyền địa phương thực hiện và người dân chấp hành thông qua việc cấp, nhận Giấy CNQSD đất; UBND huyện không phải là cơ quan có thẩm quyền cấm mốc HLGT nên không thể cung cấp được biên bản. Quan điểm của người khởi kiện cho rằng được UBND xã giao đất sát mép nhựa năm 1993, nên theo qui định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì phải được cấp Giấy CNQSD đất đến sát mép nhựa là không phù hợp qui định của pháp luật, bởi lẽ: *đất nằm trong chỉ giới HLGT, không được cấp giấy CNQSD đất.*

[7] Tại Công văn 528, UBND thành phố Hải Phòng căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; đồng ý hỗ trợ khác cho 28 hộ dân có đất bị thu hồi, nguồn gốc đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 nằm trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính bằng mức giá bồi thường khi thu hồi đất. Mặc dù danh sách người dân được hỗ trợ theo Công văn 528 có 28 người, nhưng UBND huyện V cũng áp dụng chính sách hỗ trợ tương tự cho các hộ dân khác có đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 bị thu hồi nhằm là “đảm bảo công bằng”; phù hợp với qui định tại điểm 2 khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[8] Theo Tờ trình về việc thu tiền chênh lệch giao cấp đất ở của UBND xã G ngày 12/11/1998 có thể hiện đất giao cho ông Q chiều ngang 6m số tiền phải nộp là 8.210.000 đồng nhưng ông Q không phải nộp do đã mua thanh lý trạm bơm cũ

của Hợp tác xã nông nghiệp, đã nộp tiền thanh lý. Tuy nhiên, tài liệu không thể hiện trạm bơm mà ông Q mua thanh lý có diện tích bao nhiêu, ranh giới tứ cận như thế nào, phần đất mà ông Q được UBND xã giao trái thẩm quyền cho ông Q là 1 phần của trạm bơm hay toàn bộ diện tích trạm bơm. Năm 1996 ông Q đã được cấp GCNQSDĐ với diện tích 266m² (130m² đất ở và 136m² đất vườn với kích thước 14m ngang và 19 m sâu, cách mép đường 21m). Như vậy, theo tờ trình về việc thu tiền chênh lệch giao, cấp đất ở của UBND xã G ngày 12/11/1998, ông Q được tính đã nộp tiền mua 6m ngang mặt QL 10 (200m²), nhưng sau đó ông Q lại sử dụng và được cấp GCNQSDĐ cho 14m mặt ngang QL 10, chiều sâu đất sẽ là $200 \text{ m}^2 : 14 \text{ m} = 14,3 \text{ m}$ tính từ mép mương lên. Theo biên bản xác định điểm cuối đất của xã G lập ngày 10/1/2017 (có chữ ký của các hộ dân) thì đất ông Q có chiều sâu tính từ mương đến mép nhựa là 37,5m. Từ đó tính được từ mép nhựa đến chỉ giới giao đất có thu tiền là $37,5 - 14,3 \text{ m} = 13,2 \text{ m}$ (đây là khoảng cách mà nếu thu hồi vào thì không phải hỗ trợ theo Công văn 528). Theo biên bản kiểm kê, Dự án thu hồi vào 8,5 m từ mép nhựa, như vậy nếu thu hồi thêm 4,7m chiều sâu nữa mới được hỗ trợ. Tuy nhiên, UBND huyện V đã tính và hỗ trợ là 4,4m chiều sâu (22 m²), với số tiền hơn 200 triệu đồng là đã có lợi cho ông N.

Nếu chấp nhận lô đất ông N đang sử dụng đã được ông Q nộp đầy đủ tiền đất năm 1993 thì chiều sâu đất tính từ mép mương lên 33,3 m; đoạn nhà ông N được tính chiều sâu khi giao đất từ mương đến mép nhựa là 37,5m. Khoảng cách từ mép nhựa đến chỉ giới giao đất có thu tiền là $37,5 - 33,3 = 4,2 \text{ m}$. Đây là khoảng cách mà nếu thu hồi vào thì không phải hỗ trợ theo Công văn 528. Dự án thu hồi vào 8,5 m từ mép nhựa thì phần đất đã thu tiền bị thu hồi lần này là $8,5 - 4,2 \text{ m} = 4,3 \text{ m}$ chiều sâu. UBND huyện V đã tính và hỗ trợ là 4,4m chiều sâu (không hỗ trợ 4,2m) là đã có lợi cho ông N.

[9] Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 16/6/2020, diện tích đất còn lại của hộ ông N đang sử dụng sau thu hồi năm 2015-2017 là 157m², chiều sâu trung bình tính từ cống hộp ven QL10 đến hết đất là 32,63 m. Nếu tính cả chiều sâu đất bị thu hồi lần này là 8,5 m thì đất ông N đang sử dụng trước khi bị tước đường (lần 2) là $32,6 \text{ m} + 8,5 \text{ m} = 41,1 \text{ m}$ (lớn hơn chiều sâu đất được giao năm 1993, đã được các hộ dân xác nhận tại UBND xã). Mặt khác, theo giấy CNQSD cấp cho ông N ngày 11/9/2007, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 6 có chiều sâu 19m, chiều ngang giáp lưu không HLGT Quốc lộ 10 là 5m, diện tích 95,0 m²; khi nhận chuyển nhượng lại từ người khác và được cấp Giấy CNQSD đất và đều ghi rõ *không có tranh chấp*. Người khởi kiện cũng nhiều lần xác nhận diện tích đất mình đang sử dụng như trên, do đó việc thu hồi đất lần này không thu hồi đến diện tích đã được cấp Giấy CNQSD đất. Đối với quan điểm của người khởi kiện cho rằng giấy CNQSD đất được cấp ban đầu cho gia đình không ghi chỉ giới hành lang giao thông mà tính đến sát mép QL10, nhưng ngoài lời khai của mình, người khởi kiện không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh.

[10] Từ những phân tích từ mục [4] đến mục [9] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được bồi thường thêm đối với diện tích 21m² đất. Xét việc người dân đã được bảo đảm quyền lợi nhưng vẫn khiếu kiện tập thể đòi thêm tiền của Nhà nước là do việc quản lý đất đai tại địa phương rất lỏng lẻo, người dân lấn chiếm đất công tràn lan trong thời gian rất dài chưa được chấn chỉnh kịp thời; không có số liệu để đối chiếu, khảo sát. Để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án trọng điểm quốc gia nên UBND huyện V đã báo cáo UBND thành phố tính toán hỗ trợ có lợi cho người dân. Trong vụ việc này có trách nhiệm thuộc về chính quyền cơ sở, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số liệu xét xử các vụ án tương tự trên địa bàn để tập hợp trao đổi với Viện kiểm sát để xem xét kiến nghị xử lý sau.

[11] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định 3298/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện V, Quyết định thu hồi đất số 1676/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; cùng các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 21 m² đất hộ ông N đang sử dụng tại thửa đất số thửa đất số 212, tờ bản đồ số 6 xã G.

2. Bác yêu cầu bồi thường đòi bồi thường phần đất còn lại là 23 m² với đơn giá tại thời điểm xét xử.

- *Về án phí sơ thẩm:* Ông Lương Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này ông N đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008697 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi **giờ phút, ngày tháng năm 2020**

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Minh Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

.....

.....

Tiến hành nghị án vụ án hành chính thụ lý lý số 48/2018/TLST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2018 về “Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” **giữa các đương sự:**

- **Người khởi kiện:** trú tại: Thôn, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường 20-8, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai 2003;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Bác yêu cầu của người khởi kiện;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Người khởi kiện được miễn án phí.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Việc nghị án kết thúc vào hồi **10 giờ 00 phút, cùng ngày.**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Hạnh

